

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024; về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản M, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Văn Q sinh năm 1988; địa chỉ: Bản M, xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 03/01/2011 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q say rượu. Thường xuyên đánh chửi nhau. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Kể từ năm 2014 vợ chồng anh chị sống ly thân và chị đã chuyển về ở với bố mẹ đẻ cho đến nay. Xét thấy nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2010. Từ năm 2015 cho đến hiện nay cháu H hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị không đề nghị anh Q phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và công nợ chung không có nên chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị D vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Q vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Bùi Thị Thu H đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Bùi Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị D trình bày về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh Q thì anh Q cũng nhất trí với ý kiến của chị Bùi Thị D vì tình cảm vợ chồng anh chị không còn và không có thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Chị D và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2010. Từ năm 2023 cho đến nay cháu H hiện đang ở với ông bà ngoại. Khi ly hôn anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Q không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn Q đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị D; Về con chung: Anh Q vẫn đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Thị Thu H đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Bùi Văn Q không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị D. Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn đối với anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Xác định chị D và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2008. Giao cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2010 cho chị Bùi Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu. Không xem xét

Anh Bùi Văn Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị D toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Q được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2011 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 03/01/2011 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị D và anh Q chung sống hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Chị D và anh Q đã sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị D đề nghị xin ly hôn anh Q. Anh Q cũng trình bày Sau khi kết hôn vợ chồng anh Q chung sống

hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn giống như chị D đã trình bày. Sau phát sinh mâu thuẫn, nay chị D xin ly hôn anh Q cũng đồng ý ly hôn, anh Q thống nhất ly hôn với chị D. Chính quyền địa phương nơi chị D và anh Q cư trú cũng xác nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, Sau khi đăng ký kết hôn chị D và anh Q sinh sống tại Bản M, xã K, huyện N từ năm 2011 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D, anh Q thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế khi sinh sống ở địa phương chị D, anh Q thường xuyên mâu thuẫn, xích mích, cãi chửi xúc phạm lẫn nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, ghi nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Q là phù hợp Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Q có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2010 hiện đang ở với ông bà ngoại. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bùi Văn Q có nguyện vọng nuôi cháu H với lý do khi còn bé cô D chăm sóc con mà chỉ có anh là người chăm sóc khi cháu H còn bé.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị D trình bày chị D có nguyện vọng được nuôi cháu H vì hiện nay cháu H đang được chị và ông bà ngoại chăm sóc. Còn khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ, chị vẫn chăm sóc và đi lại quan tâm đến cháu H và bản thân chị D có công việc ổn định và thu nhập để đảm bảo quyền lợi chăm sóc cho con. Hội đồng xét xử thấy về điều kiện và khả năng nuôi con của hai anh chị là như nhau, đều có đủ điều kiện để được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh Q hiện đang làm phụ hồ và cắt cây thuê; chị D đang làm thẩm mỹ tại Hà Nội, Cả hai anh chị đều có thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng; đều có chỗ ở ổn định, ông bà sẵn sàng giúp đỡ trong việc chăm sóc con cái.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo được môi trường và điều kiện phát triển tốt nhất cho con, Cháu H hiện nay đã 14 tuổi nên tại biên bản lấy lời khai của cháu H đề ngày 22/5/2024, cháu H có trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị Bùi Thị D vì cháu cho rằng chị D gần gũi cháu hơn nếu tòa án giao cháu ở với bố là cháu sẽ không đi học nữa vì bố cháu hay mắng cháu nên cháu xin tòa án cho cháu ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng con là chính đáng tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi và điều kiện sống của cháu H được học tập và giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Bùi Thị D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Thu H đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị D1, anh Q không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D1 không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị D chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Xác định chị D và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2008. Giao cháu Bùi Thị Thu H sinh ngày 24/10/2010 cho chị Bùi Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết

Anh Bùi Văn Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh Q thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001204 ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm chị Bùi Thị D, anh Bùi Văn Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND thị trấn NQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

